

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Giám thị 1:

Họ và tên:.....

Chữ ký:.....

1. Tỉnh/TP:.....
2. Hội đồng coi thi :
3. Phòng thi:.....
4. Họ và tên thí sinh:.....
.....
5. Ngày sinh:...../...../.....
6. Chữ ký của thí sinh:.....
7. Bài thi:.....
8. Ngày thi:...../...../.....

9. Số báo danh

--	--	--	--

0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9

10. Mã đề thi

--	--	--	--

0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9

Thí sinh lưu ý:

- Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách
- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn
- Dùng bút chì mềm 2B trở lên hoặc bút bi, bút dạ đen, xanh, tím. Tô đủ các mục **số báo danh, mã đề** trước khi làm.

Phần trả lời: Số thứ tự câu trả lời dưới đây tương ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và **tô kín một ô tròn** tương ứng với phương án trả lời đúng

01 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D

11 (A) ☒ (C) (D)

21 ☐ (A) ☐ (B) ☒ (C) ☐ (D) ☐ (E)

02 ● (B) (C) (D)

12 (A) (B) (C) 

22 ● (B) (C) (D) ■

03 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

13 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D

23 (A) (B) (C) ● ■

04 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

14 (A) ☒ (C) (D)

24 (A) (B) (C) ● ■

05 (A) (B) (C) ☒

15 (A) (B) ☒ (D)

25     

06 (A) ☒ (C) (D)

16 (A) (B) ☒ (D)

26 ☒ ☐ (B) ☐ (C) ☐ (D) ☐

07 (A) (B) (C) (D)

17 (A) (B) ☒ (D)

27 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D ☐ E

08 (A) ☒ (C) (D)

18 (A) (B) ☒ (D)

28 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D ☐

09 ☐ A ☒ B ☐ C ☐ D

19 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

10 ☐ A ☐ B ☒ C ☐ D

20 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D
